

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NGÀY THI: 08/02/2026 CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 01

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN.080226-001	Nguyễn Đức Anh	07.09.2000	Nam	Kinh	Bắc Ninh
2	GCN.080226-002	Nguyễn Đức Anh	17.10.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
3	GCN.080226-003	Trương Phương Anh	14.07.2003	Nữ	Kinh	Hải Dương
4	GCN.080226-004	Nguyễn Ngọc Bắc	09.08.1999	Nam	Kinh	Hà Nội
5	GCN.080226-005	Cù Xuân Bằng	25.09.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
6	GCN.080226-006	Đỗ Thanh Bình	26.09.2003	Nam	Kinh	Hải Phòng
7	GCN.080226-007	Lương Phú Bình	20.12.2002	Nam	Kinh	Thái Bình
8	GCN.080226-008	Nguyễn Trọng Công	04.10.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
9	GCN.080226-009	Benilde Da Gilda Vasco Cumbane	03.07.2005	Nữ	Mozambique	Maputo
10	GCN.080226-010	Hoàng Ngọc Cường	29.10.2003	Nam	Kinh	Thanh Hoá
11	GCN.080226-011	Lê Nam Cường	13.08.2005	Nam	Kinh	Bình Dương
12	GCN.080226-012	La Thế Chiêu	24.10.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
13	GCN.080226-013	Chu Đức Chung	31.12.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
14	GCN.080226-014	Dương Văn Duy	24.11.2000	Nam	Kinh	Bắc Ninh
15	GCN.080226-015	Phạm Thành Duy	25.07.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
16	GCN.080226-016	Hoàng Thị Thu Duyên	08.07.2003	Nữ	Tày	Lạng Sơn
17	GCN.080226-017	Lê Văn Đạo	11.05.2001	Nam	Kinh	Bắc Ninh
18	GCN.080226-018	Nguyễn Tuấn Đạt	16.08.2001	Nam	Kinh	Bắc Ninh
19	GCN.080226-019	Trần Đức	20.12.2000	Nam	Kinh	Bắc Ninh
20	GCN.080226-020	Ninh Minh Giang	17.02.2003	Nam	Kinh	Nam Định
21	GCN.080226-021	Nguyễn Minh Hà	22.08.2002	Nam	Kinh	Bắc Ninh
22	GCN.080226-022	Trần Việt Hà	22.11.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
23	GCN.080226-023	Đào Duy Hanh	11.11.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
24	GCN.080226-024	Trần Thị Minh Hạnh	14.10.1984	Nữ	Kinh	Hà Nội
25	GCN.080226-025	Nguyễn Văn Hào	28.11.1997	Nam	Kinh	Bắc Ninh
26	GCN.080226-026	Phạm Đức Hậu	09.07.1999	Nam	Kinh	Ninh Bình
27	GCN.080226-027	Nguyễn Quang Hiệp	08.10.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
28	GCN.080226-028	Trần Văn Hiệp	24.08.2002	Nam	Kinh	Bắc Ninh
29	GCN.080226-029	Lương Phúc Hiếu	20.03.2004	Nam	Tày	Thái nguyên
30	GCN.080226-030	Nguyễn Khắc Hiếu	05.01.2002	Nam	Kinh	Bắc Ninh
31	GCN.080226-031	Thân Ngọc Hiếu	05.11.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
32	GCN.080226-032	Trần Trung Hiếu	06.07.2003	Nam	Kinh	Hưng Yên

Ấn định danh sách có: 32 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NGÀY THI: 08/02/2026 CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 02

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN.080226-033	Trần Duy Hiệu	11.07.2003	Nam	Nùng	Thái Nguyên
2	GCN.080226-034	Nguyễn Thị Hoa	15.09.1992	Nữ	Kinh	Yên Bái
3	GCN.080226-035	Bùi Huy Hoàng	07.03.1995	Nam	Kinh	Thái Nguyên
4	GCN.080226-036	Lưu Công Hoàng	06.08.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
5	GCN.080226-037	Nguyễn Huy Hoàng	19.05.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
6	GCN.080226-038	Nguyễn Văn Huân	28.12.2004	Nam	Tày	Tuyên Quang
7	GCN.080226-039	Nguyễn Thị Huế	18.12.2003	Nữ	Tày	Bắc Ninh
8	GCN.080226-040	Đào Mai Huệ	13.10.2003	Nữ	Tày	Tuyên Quang
9	GCN.080226-041	Bùi Tiến Hùng	03.02.2001	Nam	Kinh	Bắc Giang
10	GCN.080226-042	Trần Phi Hùng	08.05.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
11	GCN.080226-043	Hà Văn Huy	14.06.2001	Nam	Kinh	Bắc Ninh
12	GCN.080226-044	Nguyễn Anh Huy	12.11.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
13	GCN.080226-045	Nguyễn Quang Huy	09.02.2003	Nam	Nùng	Thái Nguyên
14	GCN.080226-046	Nguyễn Sỹ Hưng	20.12.1998	Nam	Kinh	Bắc Ninh
15	GCN.080226-047	Nguyễn Thị Ngọc Huyên	10.10.2003	Nữ	Kinh	Bắc Ninh
16	GCN.080226-048	Nguyễn Hữu Kiên	22.10.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
17	GCN.080226-049	Nguyễn Duy Khánh	18.04.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
18	GCN.080226-050	Đái Xuân Khanh	25.01.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
19	GCN.080226-051	Ngô Duy Khương	09.11.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
20	GCN.080226-052	Trần Văn Lâm	18.09.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
21	GCN.080226-053	Bùi Thuý Linh	28.03.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
22	GCN.080226-054	Phan Ngọc Linh	14.05.2004	Nam	Kinh	Hà Tĩnh
23	GCN.080226-055	Hoàng Thanh Long	13.10.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
24	GCN.080226-056	Phạm Phú Long	19.11.2003	Nam	Kinh	Hải Phòng
25	GCN.080226-057	Đinh Viết Lộc	06.08.2003	Nam	Kinh	Hà Tĩnh
26	GCN.080226-058	Dương Văn Lương	26.08.2004	Nam	Kinh	Thái nguyên
27	GCN.080226-059	Hoàng Ngọc Mai	10.02.2003	Nữ	Tày	Thái Nguyên
28	GCN.080226-060	Nguyễn Trần Quỳnh M	02.01.2003	Nữ	Kinh	Bắc Giang
29	GCN.080226-061	Nguyễn Đăng Khánh N	29.10.2001	Nam	Kinh	Bắc Ninh
30	GCN.080226-062	Nguyễn Hoàng Nam	04.03.2003	Nam	Kinh	Hà Nội
31	GCN.080226-063	Trịnh Hải Nam	31.08.2004	Nam	Kinh	Lai Châu
32	GCN.080226-064	Nguyễn Thị Thuý Nga	29.05.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 32 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

**DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

NGÀY THI: 08/02/2026 CA: CHIỀU

PHÒNG THI: 03

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN.080226-065	Dương Anh Ngọc	22.05.2004	Nữ	Kinh	Tuyên Quang
2	GCN.080226-066	Hoàng Văn Ngọc	29.07.2003	Nam	Tày	Thái Nguyên
3	GCN.080226-067	Vi Thị Bích Ngọc	24.06.1984	Nữ	Tày	Thái Nguyên
4	GCN.080226-068	Dương Quang Nhân	28.04.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
5	GCN.080226-069	Nông Văn Nhật	06.10.2000	Nam	Tày	Bắc Ninh
6	GCN.080226-070	Trần Văn Oánh	30.09.1999	Nam	Kinh	Bắc Ninh
7	GCN.080226-071	Nguyễn Văn Quang	30.06.2004	Nam	Kinh	Thái nguyên
8	GCN.080226-072	Trần Mạnh Quang	31.12.1997	Nam	Kinh	Bắc Ninh
9	GCN.080226-073	Hoàng Hồng Quân	28.10.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
10	GCN.080226-074	Khổng Minh Quân	24.11.2002	Nam	Kinh	Bắc Ninh
11	GCN.080226-075	Nguyễn Hoàng Quân	06.03.2003	Nam	Kinh	Gia lai
12	GCN.080226-076	Lê Tú Quyên	14.12.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
13	GCN.080226-077	Nguyễn Văn Quyền	11.08.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
14	GCN.080226-078	Lương Minh Quyết	21.10.2003	Nam	Tày	Tuyên Quang
15	GCN.080226-079	Nguyễn Đức Quyết	09.07.2000	Nam	Kinh	Bắc Ninh
16	GCN.080226-080	Triệu Văn Quyết	12.01.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
17	GCN.080226-081	Triệu Đình Sáng	27.09.2000	Nam	Nùng	Thái Nguyên
18	GCN.080226-082	Bùi Quang Tiến	02.08.1981	Nam	Kinh	Hà Nội
19	GCN.080226-083	Nguyễn Anh Tú	14.10.1998	Nam	Kinh	Thái Nguyên
20	GCN.080226-084	Nguyễn Thanh Tú	07.01.1984	Nữ	Kinh	Hà Nội
21	GCN.080226-085	Bùi Minh Tuấn	19.04.2004	Nam	Kinh	Hải Phòng
22	GCN.080226-086	Hoàng Anh Tuấn	17.09.1996	Nam	Kinh	Hải Phòng
23	GCN.080226-087	Hoàng Anh Tuấn	10.03.1996	Nam	Mường	Phú Thọ
24	GCN.080226-088	Trần Đức Tuấn	19.05.2000	Nam	Kinh	Tuyên Quang
25	GCN.080226-089	Nguyễn Văn Tuấn	15.01.2004	Nam	Kinh	Bắc Giang
26	GCN.080226-090	Nguyễn Văn Tuyền	05.08.2001	Nam	Kinh	Bắc Ninh
27	GCN.080226-091	Nông Đình Tường	28.05.2003	Nam	Tày	Cao Bằng
28	GCN.080226-092	Đỗ Hoàng Thái	21.10.1982	Nam	Kinh	Thái Nguyên
29	GCN.080226-093	Phạm Văn Thái	31.07.2003	Nam	Kinh	Bắc Giang
30	GCN.080226-094	Phan Thị Hồng Thanh	13.08.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
31	GCN.080226-095	Hà Tiến Thành	26.07.2004	Nam	Kinh	Lào Cai
32	GCN.080226-096	Hứa Thị Thảo	10.04.1994	Nữ	Kinh	Lạng Sơn

Ấn định danh sách có: 32 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

**DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

NGÀY THI: 08/02/2026

CÁ: CHIỀU

PHÒNG THI: 04

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NƠI SINH
1	GCN.080226-097	Nguyễn Thị Phương Thảo	12.10.2003	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
2	GCN.080226-098	Nguyễn Thu Thảo	23.12.1993	Nữ	Kinh	Hà Nội
3	GCN.080226-099	Nguyễn Văn Thảo	18.08.1991	Nam	Kinh	Bắc Ninh
4	GCN.080226-100	Nguyễn Duy Thắng	03.12.2000	Nam	Kinh	Bắc Ninh
5	GCN.080226-101	Nguyễn Giáp Thân	26.07.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
6	GCN.080226-102	Ma Quang Thật	04.10.2001	Nam	Tày	Thái Nguyên
7	GCN.080226-103	Nguyễn Thế Thiện	08.04.2000	Nam	Kinh	Thái Nguyên
8	GCN.080226-104	Vàng Văn Thiện	23.01.2004	Nam	Thái	Điện Biên
9	GCN.080226-105	Dương Quang Thịnh	13.09.2001	Nam	Kinh	Thái Nguyên
10	GCN.080226-106	Nguyễn Quang Thịnh	20.09.2003	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc
11	GCN.080226-107	Nguyễn Văn Thịnh	09.04.1998	Nam	Kinh	Hà Nội
12	GCN.080226-108	Dương Quang Thọ	03.04.2003	Nam	Nùng	Bắc Ninh
13	GCN.080226-109	Bùi Chung Thông	24.05.2002	Nam	Kinh	Bắc Ninh
14	GCN.080226-110	Dương Thị Hồng Thu	01.02.2004	Nữ	Tày	Thái Nguyên
15	GCN.080226-111	Chữ Thị Thanh Thủy	23.08.1982	Nữ	Kinh	Hà Nội
16	GCN.080226-112	Chu Thị Bích Thủy	16.03.2005	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
17	GCN.080226-113	Đoàn Thị Huyền Thương	12.08.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
18	GCN.080226-114	Đỗ Thị Đoan Trang	21.02.2003	Nữ	Kinh	Thái Bình
19	GCN.080226-115	Trịnh Thu Trang	07.11.2004	Nữ	Kinh	Quảng Ninh
20	GCN.080226-116	Nguyễn Minh Trí	02.11.1995	Nam	Kinh	Bắc Ninh
21	GCN.080226-117	Đào Xuân Trinh	13.10.2003	Nam	Kinh	Bắc Giang
22	GCN.080226-118	Bùi Đức Trọng	30.12.2004	Nam	Kinh	Bắc Ninh
23	GCN.080226-119	Nguyễn Đình Trung	30.10.2003	Nam	Kinh	Bắc Ninh
24	GCN.080226-120	Lê Minh Trường	03.08.2004	Nam	Kinh	Thái Nguyên
25	GCN.080226-121	Nguyễn Thị Vân	03.10.2002	Nữ	Kinh	Ninh Bình
26	GCN.080226-122	Lường Trung Việt	25.01.2001	Nam	Tày	Thái Nguyên
27	GCN.080226-123	Lưu Văn Vũ	22.09.2003	Nam	Sán diu	Thái Nguyên
28	GCN.080226-124	Nguyễn Lê Vũ	19.06.2003	Nam	Kinh	Thái Nguyên
29	GCN.080226-125	Phan Thế Vũ	05.12.2001	Nam	Kinh	Bắc Giang
30	GCN.080226-126	Vi Thị Xuân	05.05.2004	Nữ	Nùng	Bắc Giang
31	GCN.080226-127	Phạm Hải Yến	12.09.1981	Nữ	Kinh	Hà Nội
32	GCN.080226-128	Trương Phi Yến	13.06.2004	Nữ	Sán Diu	Thái Nguyên

Ấn định danh sách có: 32 thí sinh./.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG THI NGOẠI NGỮ

DANH SÁCH THÍ SINH THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
CỦA ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NGÀY THI: 08/02/2026 CẢ CHIỀU

PHÒNG THI: 05

MÔN: TIẾNG ANH

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	DÂN TỘC	NOI SINH
1	TNMT080226-129	Nguyễn Duy Anh	27.07.2004	Nữ	Kinh	An Giang
2	TNMT080226-130	Nguyễn Hồng Anh	15.01.2004	Nữ	Kinh	Thái Nguyên
3	TNMT080226-131	Nguyễn Huyền Anh	06.05.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
4	TNMT080226-132	Nguyễn Ngọc Đức Anh	30.09.2003	Nam	Kinh	Quảng Ninh
5	TNMT080226-133	Nguyễn Ngọc Ánh	12.07.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
6	TNMT080226-134	Phan Thị Thanh Chúc	12.03.2004	Nữ	Kinh	hưng yên
7	TNMT080226-135	Tạ Thị Phương Duyên	27.08.2003	Nữ	Kinh	Hà Tây
8	TNMT080226-136	Vương Thành Đạt	07.08.2003	Nam	Kinh	Phú Thọ
9	TNMT080226-137	Hoàng Ngọc Điệp	17.02.2004	Nữ	Kinh	Hưng Yên
10	TNMT080226-138	Nguyễn Thị Khánh Huyền	09.01.2004	Nữ	Kinh	Ninh Bình
11	TNMT080226-139	Vũ Thanh Huyền	13.12.2004	Nữ	Kinh	Gia lai
12	TNMT080226-140	Lê Mai Thu Huyền	12.08.2003	Nữ	Kinh	Hà Nội
13	TNMT080226-141	Bùi Khánh Linh	01.02.2004	Nữ	Kinh	Hà Tây
14	TNMT080226-142	Nguyễn Thị Linh	11.03.2004	Nữ	Kinh	Nghệ An
15	TNMT080226-143	Nguyễn Thanh Loan	09.08.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
16	TNMT080226-144	Nguyễn Thị Hương Ly	24.12.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
17	TNMT080226-145	Nguyễn Hồng Mai	01.07.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
18	TNMT080226-146	Phạm Công Minh	22.10.2002	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc
19	TNMT080226-147	Phùng Thị Nền	22.09.2004	Nữ	Kinh	Hà Nội
20	TNMT080226-148	Nguyễn Thị Hoài Ngân	26.04.2004	Nữ	Kinh	Hải Dương
21	TNMT080226-149	Tổng Thị Ngọc Oanh	01.10.2003	Nữ	Thái	Lai Châu
22	TNMT080226-150	Cần Thị Thơ	02.06.2004	Nữ	Kinh	Hà Tây
23	TNMT080226-151	Đinh Thị Hồng Thơm	14.02.2004	Nữ	Kinh	Ninh Bình
24	TNMT080226-152	Nguyễn Thị Hương Trà	07.10.2004	Nữ	Kinh	Bắc Giang
25	TNMT080226-153	Lăng Ngọc Trâm	02.04.2003	Nữ	Nùng	Lạng Sơn
26	TNMT080226-154	Vũ Thị Tuyết Trinh	12.12.2004	Nữ	Kinh	Ninh Bình

Ấn định danh sách có: 26 thí sinh./.